

3. Nghiên cứu các vấn đề về bầu cử Quốc hội và bầu cử Hội đồng nhân dân, phục vụ Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong việc chủ trì cuộc tuyển cử đại biểu Quốc hội.

4. Quản lý công tác hành chính của Quốc hội :  
— Quản lý các văn kiện và tài liệu của Quốc hội ;  
— Quản lý tổ chức, cán bộ, lao động, tiền lương, tài sản và tài vụ của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

5. Phục vụ việc tiếp nhận dân, nghiên cứu và đề ra cách giải quyết các đề nghị và nguyện vọng của nhân dân.

6. Phục vụ Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong công tác đối ngoại.

**Điều 3.** — Văn phòng Ủy ban Thường vụ Quốc hội đặt dưới sự lãnh đạo của Tổng thư ký Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Giúp việc Tổng thư ký có một hay nhiều thư ký Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tổng thư ký giải quyết công việc thường ngày của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tổng thư ký chịu trách nhiệm trước Ủy ban Thường vụ Quốc hội về công tác của Văn phòng Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Điều 4.** — Tổ chức Văn phòng Ủy ban Thường vụ Quốc hội gồm có :

- Vụ Hành chính ;
- Vụ Pháp chính ;
- Vụ Dân chính.

Vụ có thể chia ra nhiều phòng.

Ngoài các Vụ ra, có thể tổ chức những phòng trực thuộc Văn phòng Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Việc thành lập hoặc bãi bỏ một Vụ do Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn.

Nhiệm vụ và tổ chức cụ thể của các Vụ, các phòng do Tổng thư ký quy định.

**Điều 5.** — Vụ do Vụ trưởng điều khiển; giúp việc Vụ trưởng có thể có một hay nhiều Vụ phó.

Phòng do trưởng phòng điều khiển; giúp việc trưởng phòng có thể có một hay nhiều phó phòng.

Vụ trưởng, Vụ phó do Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội bổ nhiệm theo đề nghị của Tổng thư ký.

Trưởng phòng, phó phòng và những cán bộ, công nhân, viên chức khác do Tổng thư ký bổ nhiệm.

**Điều 6.** — Tổng thư ký Ủy ban Thường vụ Quốc hội có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà nội, ngày 16 tháng 1 năm 1962

Ủy ban Thường vụ Quốc hội  
Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa,

Chủ tịch,

TRƯỜNG CHÍNH

## HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

**NGHỊ ĐỊNH số 13-CP ngày 2-2-1962 về việc nâng phụ cấp thương tật cho thương binh và dân quân, du kích, thanh niên xung phong bị thương tật.**

### HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ nghị định số 980-TTg ngày 27 tháng 7 năm 1956 của Thủ tướng Chính phủ ban hành điều lệ ưu đãi thương binh, bệnh binh và dân quân, du kích, thanh niên xung phong bị thương tật;

Căn cứ nghị quyết của Hội đồng Chính phủ trong phiên họp thường vụ của Hội đồng Chính phủ ngày 25 tháng 10 năm 1961;

### NGHỊ ĐỊNH :

**Điều 1.** — Nay ấn định phụ cấp thương tật, phụ cấp sản xuất, phụ cấp an dưỡng hàng tháng cho thương binh và dân quân, du kích, thanh niên xung phong bị thương tật như sau :

#### a) Thương binh :

Hạng thương tật	Phụ cấp thương tật	Phụ cấp sản xuất	Phụ cấp an dưỡng
Hạng đặc biệt	13đ		25đ00
Hạng một	9,50		18,50
Hạng hai	6,50	10đ50	
Hạng ba	4,70	6,80	
Hạng bốn	3,30	3,20	
Hạng năm	2,00	1,60	

#### b) Dân quân, du kích, thanh niên xung phong bị thương tật :

Hạng thương tật	Phụ cấp thương tật	Phụ cấp sản xuất	Phụ cấp an dưỡng
Hạng đặc biệt	11đ50		22đ50
Hạng một	8,50		16,50
Hạng hai	5,80	9đ50	
Hạng ba	4,30	6,20	
Hạng bốn	3,00	2,90	
Hạng năm	1,80	1,40	

**Điều 2.** — Thương binh và dân quân, du kích, thanh niên xung phong bị thương tật được thu nhận vào trại thương binh cũng được lĩnh các khoản phụ cấp như quy định ở điều 1 trên (phụ cấp thương tật và phụ cấp an dưỡng hoặc phụ cấp sản xuất). Nếu số tiền phụ cấp được lĩnh thấp hơn sinh hoạt phí ở trại (bao gồm tiền ăn, tiền tiêu vặt, tiền may mặc) thì sẽ được trợ cấp thêm cho đủ sinh hoạt phí.

Riêng thương binh và dân quân, du kích, thanh niên xung phong bị thương tật đã ở trại trước ngày

thi hành nghị định này thì vẫn được hưởng sinh hoạt phí ở trại và lĩnh phụ cấp thương tật như cũ, theo định suất quy định trong nghị định số 131-TTg ngày 1 tháng 3 năm 1958 của Thủ tướng Chính phủ.

**Điều 3.** — Nghị định này thi hành kể từ ngày 1-1-1962.

**Điều 4.** — Các ông Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Ủy ban hành chính khu, thành phố, tỉnh chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

*Hà nội, ngày 2 tháng 2 năm 1962*

T.M. Hội đồng Chính phủ,

K.T. Thủ tướng Chính phủ,

*Phó thủ tướng*

PHẠM HÙNG

**NGHỊ ĐỊNH số 14-CP ngày 2-2-1962 về việc trợ cấp cho gia đình liệt sĩ, gia đình quân nhân, cán bộ, công nhân, viên chức từ trần hay mất tích gặp khó khăn trong đời sống.**

#### HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Nghị định số 980/TTg ngày 27 tháng 7 năm 1956 của Thủ tướng Chính phủ ban hành điều lệ ưu đãi gia đình liệt sĩ và điều lệ ưu đãi gia đình quân nhân;*

*Căn cứ nghị quyết của Hội đồng Chính phủ trong phiên họp thường vụ của Hội đồng Chính phủ ngày 25 tháng 10 năm 1961;*

#### NGHỊ ĐỊNH:

**Điều 1.** — Gia đình của những liệt sĩ, nếu đời sống có nhiều khó khăn vì già yếu, bệnh tật, thiếu sức lao động, hoặc vì tai nạn bất thường, có thể được xét trợ cấp theo quy định như sau:

— Mức trợ cấp mỗi người một tháng là mười đồng; mỗi gia đình một tháng không quá ba mươi đồng.

— Thời hạn trợ cấp là ba tháng, sáu tháng, chín tháng hay mười hai tháng trong một năm tùy theo hoàn cảnh của mỗi gia đình.

**Điều 2.** — Gia đình của những quân nhân từ trần hay mất tích, gia đình của những cán bộ, công nhân, viên chức từ trần hay mất tích trước ngày thi hành điều lệ bảo hiểm xã hội và đủ tiêu chuẩn do Bộ Nội vụ quy định, nếu đời sống có nhiều khó khăn vì già yếu, bệnh tật, thiếu sức lao động, hoặc vì tai nạn bất thường, cũng được xét trợ cấp như quy định ở điều 1 trên đây, nhưng mức trợ cấp mỗi người một tháng là chín đồng; mỗi gia đình một tháng không quá hai mươi bốn đồng.

**Điều 3.** — Nghị định này thi hành kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1962. Những quy định cũ trái với nghị định này đều bãi bỏ.

**Điều 4.** — Các ông Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Tài chính và Ủy ban hành chính các khu, thành phố, tỉnh chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

*Hà nội, ngày 2 tháng 2 năm 1962*

T.M. Hội đồng Chính phủ,

K.T. Thủ tướng Chính phủ,

*Phó thủ tướng*

PHẠM HÙNG

## PHỦ THỦ TƯỚNG

**CHỈ THỊ số 12-TTg ngày 31-1-1962 về việc thực hiện kế hoạch Nhà nước trong quý I-1962**

### I. MẤY ĐIỂM CẦN CHÚ Ý VỀ TÌNH HÌNH QUÝ I

Báo cáo về nhiệm vụ kế hoạch Nhà nước năm 1962 được Hội đồng Chính phủ thông qua đã phân tích những thuận lợi và khó khăn chung của năm 1962. Bước vào quý I-1962 phải thấy rõ mấy điểm cụ thể sau đây.

— Về nông nghiệp trong vụ đông-xuân hiện nay, việc cấy bừa, cấy chiêm chậm so với yêu cầu bảo đảm thời vụ việc gieo trồng hoa màu, cây công nghiệp chậm và còn bị coi nhẹ. Trâu bò chưa được chăm sóc tốt. Tuy nhiên, các cấp đang cố quyết tâm phấn đấu; nước, mạ tương đối đủ, tốc độ cấy có khá hơn năm ngoái...

— Về công nghiệp và thủ công nghiệp, có những thuận lợi về thời tiết, một số ngành được chuẩn bị tốt hơn trước; nhưng vẫn có nhiều khó khăn về thiết bị, nhất là về nguyên liệu, phụ tùng; việc nghỉ tết cũng có thể làm chậm công tác của một số ngành.

— Về xây dựng cơ bản, có thuận lợi là thời tiết quý I khô ráo; hầu hết là những công trình tiếp tục thi công; nhưng tiền vốn có hạn, vật liệu xây dựng có khó khăn.

— Về hàng hóa, nhu cầu nhiều, nhưng hàng thiếu. Việc thu mua lương thực còn kém.

— Ngoại thương cần phải tranh thủ nhập sớm các loại vật tư cần thiết, nhưng bị hạn chế, vì thiếu hàng xuất; việc đàm phán ký kết không làm được nhanh gọn.

### II. PHƯƠNG HƯỚNG CỐ GẮNG TRONG QUÝ I

Căn cứ vào nhiệm vụ chung của kế hoạch Nhà nước năm 1962 và tình hình cụ thể nói trên, quý I có những công tác chính là ra sức đẩy mạnh vụ sản xuất đông-xuân toàn diện và hoàn thành tốt